

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 65/2003/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Về việc ban hành Định mức dự toán trong công tác xây dựng tu sửa đê, kè

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000, Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ.

Căn cứ văn bản thoả thuận số 1776 / BXD-VKT ngày 7 tháng 11 năm 2002 của Bộ Xây dựng.

Theo đề nghị của Ông Cục trưởng Cục PCLB – QLDD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tập “ Định mức dự toán trong công tác xây dựng tu sửa đê, kè”.

Điều 2. Tập định mức dự toán này là căn cứ để lập đơn giá, dự toán các công trình xây dựng cơ bản trong công tác xây dựng tu sửa đê, kè.

Điều 3. Tập định mức dự toán này thay thế cho các tập định mức đã ban hành tại Quyết định số 1199/QĐ/XDCB ngày 2/7/1994 và số 818 NN - PCLB/QĐ ngày 9/5/1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Tập định mức này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003. Các ông Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc các sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị tổ chức theo dõi tổng kết báo cáo Bộ làm căn cứ nghiên cứu hoàn chỉnh để áp dụng tiếp cho các năm sau.

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG TU SỬA ĐÊ KÈ

(Ban hành kèm theo QĐ số 65 /2003/QĐ-BNN- PCLB ngày 024 tháng 06 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và PTNT)

THUYẾT MINH TÍNH TOÁN VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

I. CĂN CỨ TÍNH TOÁN:

Định mức dự toán trong xây dựng tu sửa đê kè là định mức kinh tế kỹ thuật qui định mức hao phí lao động, vật liệu và máy thi công (đối với một số công tác sử dụng máy, thiết bị thi công) cần thiết để hoàn thành một khối lượng công tác xây lắp như 1m³ đất đào, đắp, một con rồng, một rọ đá v.v.

Căn cứ để lập định mức dự toán là dựa vào các qui trình, qui phạm kỹ thuật về thiết kế, thi công, tình hình tổ chức lực lượng lao động, trang thiết bị ở các đơn vị và tính đặc thù của ngành thuỷ lợi trong xây dựng và tu sửa đê, kè và kết hợp vận dụng một số định mức hiện hành của nhà nước.

II. NỘI DUNG ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN:

Nội dung định mức dự toán bao gồm:

Mức hao phí vật liệu: Là mức hao phí vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết cho việc hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây lắp, bao gồm cả hao hụt vật liệu trong khâu thi công theo quy định hiện hành.

Mức hao phí lao động: Là số ngày công lao động trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp và phục vụ công tác xây lắp từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc.

Mức hao phí máy thi công: Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp phục vụ xây lắp công trình.

Do tính đặc thù của công tác xây dựng tu sửa đê kè, nên ngoài việc sử dụng lao động là công nhân còn sử dụng lực lượng lao động nông nhân theo Qui định của Chính phủ tại văn bản số 889/CP-NN ngày 29/9/2000, vì vậy định mức xây dựng cụ thể cho từng loại lao động.

III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

III.1. Định mức dự toán này được dùng để làm căn cứ lập đơn giá, dự toán cho các công tác xây dựng tu sửa đê kè. Khi sử dụng lao động nông nhân thì đơn giá ngày công lao động thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2001/TT/BNN-PCLB ngày 23/02/2001 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

III.2. Trường hợp không sử dụng lao động nông nhân mà dùng lao động là công nhân (chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp) thì mức hao phí lao động của các công việc ở chương I, II, III (trừ công tác rải vãi lọc) phải nhân với hệ số là 0.83, (trừ công vận chuyển tiếp 10m)

Định mức cho công tác vận chuyển tiếp 10m nhân với hệ số 0,735.

Đơn giá nhân công được tính toán trên cơ sở cấp bậc thợ bình quân và chế độ tiền lương hiện hành của nhà nước.

III.3. Đối với các công trình đê kè ven sông biển, trong quá trình thi công chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy triều (có mức nước thủy triều giao động $\geq 1,2\text{m}$) thì định mức nhân công của những phần việc bị ảnh hưởng được nhân với hệ số điều chỉnh sau:

Công tác đào đất $K = 1,35$

Các công tác còn lại $K = 1,20$

III. 4. Trong khi đào đất để đắp khối lượng đất đào được tính bằng khối lượng đất đắp nhân với hệ số tính đổi khối lượng từ đất đào sang đất đắp đối với từng loại đất và các yếu tố kỹ thuật cụ thể theo tiêu chuẩn qui phạm thi công nghiệm thu công tác đất TCVN - 4447 - 87.

$V_{\text{đào}} = V_{\text{đắp}} \times K$

γ_2

$K = \frac{\gamma_2}{\gamma_1}$

γ_1

Trong đó: γ_1 Là dung trọng khô của đất nguyên thổ.

γ_2 Là dung trọng khô của đất đầm nén (dung trọng thiết kế)/.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG TU SỬA ĐÊ, KÈ

Chương I

CÔNG TÁC ĐÀO ĐẤT

1.1. NẠO VẾT BÙN.

+ *Thành phần công việc:* Đào, xúc đổ đúng chỗ qui định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 30m.

Đơn vị tính: Công/1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Loại bùn			
		Bùn đặc	Bùn lẫn rác	Bùn lẫn sỏi đá	Bùn lỏng
001	Nạo vét bùn	1,127	1,200	1,954	1,715
	Vận chuyển tiếp 10m	0,019	0,019	0,090	0,090
		1	2	3	4

(Nếu dùng lực lượng công nhân thì áp dụng đơn giá tiền lương của cấp bậc thợ là 2,7/7)

1.2. BỐC ĐẤT PHONG HOÁ.

Thành phần công việc: Đào, xúc đổ đúng chỗ qui định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị: Công/1m ³				
Mã hiệu	Công tác xây lắp	Cấp đất		
		Cấp I	Cấp II	Cấp III
002	Bóc lớp đất phong hoá	0,540	0,740	0,935
	Vận chuyển tiếp 10m	0,046	0,047	0,052
		1	2	3

(Nếu dùng lực lượng công nhân thì áp dụng đơn giá tiền lương của cấp bậc thợ là 2,7/7)

Chương II
CÔNG TÁC ĐẬP ĐÊ

2.1. ĐẬP ĐÊ CÓ ĐÀM NÉN.

Yêu cầu: Bảo đảm đúng thiết kế (kích thước mặt cắt, dung trọng)

Thành phần công việc:

Dỡ cỏ bóc lớp đất phong hoá (tại nơi đắp), đổ đúng nơi qui định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 30m.

Đào, xúc đất đổ vào phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m để vận chuyển đến nơi đắp

Đổ đất từ phương tiện vận chuyển ra, san, xăm, đầm, xờm bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

Hoàn thiện công trình, sửa vổ mái ta luy theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

(Định mức tính cho 1m³ đo tại nơi đắp)

Đơn vị tính: Công/1m ³				
Mã hiệu	Dung trọng đất γ_K	Cấp đất		
	Tấn/m ³	Cấp I	Cấp II	Cấp III
003	$\gamma_K \leq 1,45$	1,0195	1,1271	1,2110
004	$\gamma_K \leq 1,50$	1,0790	1,1750	1,2469
005	$\gamma_K \leq 1,55$	1,3818	1,3321	1,3297
006	$\gamma_K \leq 1,60$	2,800	2,3404	1,8920
007	$\gamma_K \leq 1,65$	3,9417	3,0611	2,2385

	Vận chuyển tiếp 10m	0,046	0,047	0,052
		1	2	3

(Nếu dùng lực lượng công nhân thì áp dụng đơn giá tiền lương của cấp bậc thợ là 2,8/7)

2.2. ĐÁP ĐÊ BẰNG ĐẤT ƯỚT.

Trong thực tế có nhiều đoạn đê đi qua đồng chiêm trũng, cần tôn cao áp trực phải lấy đất ướn để đắp, dung trọng được tăng dần theo thời gian, bãi lấy đất không có nước hoặc có nước nhưng độ sâu $\leq 15\text{cm}$.

Yêu cầu:

Bảo đảm đúng thiết kế kích thước mặt cắt, độ cao, độ đông đặc, không được kê ba chồng đông.

Nếu đắp đất ướn thì phải quật mạnh tay để hòn nọ gắn khít vào hòn kia và không có lỗ hổng.

Thành phần công việc:

Đào, xúc đổ vào phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m để vận chuyển đến nơi đắp.

Đổ từ phương tiện vận chuyển ra, san xấp hoặc quật mạnh tay.

Hoàn thiện công trình, sửa vổ mái ta luy theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

(Định mức tính cho 1m^3 đo tại nơi đắp)

Đơn vị tính: Công/1m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Cấp đất		
		Cấp I	Cấp II	Cấp III
008	Đắp đê bằng đất ướn	0,78	0,99	1,20
	Vận chuyển tiếp 10m	0,046	0,047	0,052
		1	2	3

(Nếu dùng lực lượng công nhân thì áp dụng đơn giá tiền lương của cấp bậc thợ là 2,8/7)

Định mức đắp đê tính toán trong điều kiện bãi lấy đất không có nước hoặc có nước nhưng độ sâu $\leq 15\text{cm}$. Nếu nước sâu quá 15cm, không có biện pháp khắc phục mà phải đào mò thì định mức được nhân với hệ số sau đây (không kể công vận chuyển tiếp):

$0,15 < \text{hsâu} < 0,5\text{m}$ Hệ số 1,5

$0,50 < \text{hsâu} < 1,0\text{m}$ Hệ số 2,0

$1,00 < \text{hsâu}$ Hệ số 2,5

Ghi chú: Các hệ số trên chỉ áp dụng cho đất cấp I và đất cấp II

2.3. TÔN CAO ĐÊ, ĐẮP CHẠCH TRÊN ĐÊ CÓ ĐÀM NÉN

+ *Yêu cầu:* Bảo đảm đúng thiết kế và bảo đảm dung trọng khô.

+ *Thành phần công việc:*

- Đánh xờm mặt đê cũ.